

Số: 271/2020/QĐST - HNGĐ

*TP. Thanh Hóa, ngày 28 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 333/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn L – Sinh năm 1983.

2. Chị Trần Thị Thùy D – Sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Phòng S, nhà D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy D, anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm cách sống luôn trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới xúc phạm nhau, dẫn đến không khí trong gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo và bản thân hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, kể từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh L, chị D.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Thùy D, anh Lê Văn L thống nhất vợ chồng có 02 con chung, cháu Lê Trần Bảo N - Sinh ngày 03/10/2014 và cháu Lê Gia H – Sinh ngày 12/9/2017. Hai bên thỏa thuận chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bảo

N và Gia H, anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/cháu (hai cháu là 4.000.000đ/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Lệ phí: Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị Thùy D chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy D, anh Lê Văn L.

- Về con chung: Cháu Lê Trần Bảo N - Sinh ngày 03/10/2014 và cháu Lê Gia H – Sinh ngày 12/9/2017 là con chung của chị Trần Thị Thùy D, anh Lê Văn L. Chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bảo N và Gia H, anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/cháu (hai cháu là 4.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0001335 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP;
- THA dân sự Tp Thanh Hóa;
- UBND xã N, huyện N, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Phạm Văn Hào**